

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2019
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tráng

2. Ông Phạm Văn Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 293/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, về vụ “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (Có mặt)

Trú tại: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1974 (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

Trú tại: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị với anh Huỳnh Văn H do quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 02 đến 03 năm thấy hợp ý quyết định tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1995. Tuy nhiên, cho đến nay chị và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu và chửi mắng, đánh đập chị, chị đã nhiều lần nhờ cha mẹ chồng khuyên ngăn, chính quyền địa phương cũng đưa ra hòa giải nhưng anh H vẫn không sửa đổi tính tình mà ngày càng phát sinh nhiều hơn.

Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

Về con chung: Hai người tên Huỳnh Thị H T sinh ngày 06/9/1996 và Huỳnh Thị H Tr, sinh ngày 12/11/1999 hiện các con đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống, chị và anh H không có tạo lập được tài sản chung và không có thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2019 anh Huỳnh Văn H có lời trình bày như sau: Anh với chị Nguyễn Thị N do tự quen biết tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 1995. Tuy nhiên, anh với chị N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, cuộc sống chung của anh và chị N phát sinh mâu thuẫn không có hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi nhau. Từ đó chị N yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh cũng thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: Hai người tên Huỳnh Thị H T sinh năm 1996 và Huỳnh Thị H Tr, sinh năm 1999 hiện hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống, anh với chị N không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên ý kiến yêu cầu như nêu trên và không có bổ sung tài liệu, chứng cứ mới cũng không có yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Huỳnh Văn H có nơi cư trú tại Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] Anh Huỳnh Văn H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn H khai thống nhất anh, chị do quen biết tìm hiểu nhau quyết định tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán về sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, có cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn. Xét việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh H và anh H thống nhất ly hôn với chị N là không có căn cứ cho ly hôn. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và “*Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này...*”. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn H.

[3]. *Về con chung*: Chị N và anh H khai quá trình chung sống hạnh phúc anh, chị có hai người con chung là Huỳnh Thị H T sinh năm 1996 và Huỳnh Thị H Tr, sinh năm 1999, hiện các con chung đều đã thành niên, có cuộc sống tự lập, chị N, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả*: Chị N và anh H khai không có, Tòa không xét.

[5] *Về án phí*: Chị N là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp được miễn, giảm nộp tiền án phí nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn H.

Về con chung: Cháu Huỳnh Thị H T sinh năm 1996 và Huỳnh Thị H Tr, sinh năm 1999 đều đã thành niên, có cuộc sống tự lập, chị N và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả: Chị N và anh H khai không có, Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cân trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005201 ngày 23/8/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Trang
(Đã ký)**